# Phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Thực trạng và giải pháp

# Developing Party membership in private universities and colleges in Hanoi: Current situation and solutions

**ThS. NGUYỄN ĐỨC TIẾN**
Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội; Email: nguyentiennd85@gmail.com
Ngày nhận bài: 30/7/2026 Ngày phản biện: 28/8/2026 Ngày duyệt đăng: 20/9/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

***Tóm tắt:*** *Công tác phát triển đảng viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, việc phát triển đảng viên trong sinh viên và đội ngũ giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng tư thục có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt và tinh thần trách nhiệm xã hội cao. Bài viết đánh giá các khía cạnh về nhận thức, cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phát triển đảng viên trên địa bàn thành phố Hà Nội.*
***Từ khoá:*** *phát triển; đảng viên; tư thục; Hà Nội.*

***Abstract:*** *Party membership development is one of the key tasks in Party building, contributing to strengthening the leadership capacity and combativeness of Party organizations. In the context of fundamental and comprehensive reform of education and training, developing Party membership among students and lecturers at private universities and colleges is particularly important for building a high-quality workforce with strong political commitment, sound professional ethics, and a high sense of social responsibility. This article assesses various aspects of awareness, policy and institutional mechanisms, and the organization and implementation of Party membership development, while proposing solutions to improve the effectiveness of Party membership development in Hanoi.*
***Keywords:*** *development; Party membership; private sector; Hanoi.*

**1. Đặt vấn đề**

Hà Nội là trung tâm giáo dục lớn của cả nước với số lượng đáng kể các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập. Theo Nguyễn Đức Tiến (2025), những năm gần đây, công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn thành phố đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần củng cố tổ chức đảng trong khu vực giáo dục ngoài công lập. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy số lượng đảng viên được kết nạp còn khiêm tốn, chất lượng nguồn phát triển đảng chưa đồng đều, nhận thức và động cơ phấn đấu vào Đảng của một bộ phận sinh viên còn hạn chế, trong khi mô hình tổ chức và điều kiện hoạt động của các trường tư thục có nhiều đặc thù khác với các cơ sở công lập

Vấn đề phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên và các cơ sở giáo dục đại học đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý và tổ chức đảng. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào vai trò của tổ chức đảng trong trường học, công tác giáo dục chính trị tư tưởng và các giải pháp nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên. Nghiên cứu của Phan Thị Phương Anh và Nguyễn Hoàng Du (2011) đánh giá công tác phát triển Đảng trong sinh viên Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 1998 - 2010, chỉ ra rằng việc triển khai các chủ trương của Đảng về xây dựng tổ chức đảng trong trường học đã tạo động lực quan trọng làm gia tăng số lượng đảng viên là sinh viên, đồng thời khẳng định vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tạo nguồn phát triển Đảng; Nghiên cứu của Lê Ngọc Triết và cộng sự (2024) về nhận thức và động cơ phấn đấu vào Đảng của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ cho thấy nhận thức chính trị, môi trường học tập và hoạt động đoàn thể có ảnh hưởng đáng kể đến nguyện vọng phấn đấu trở thành đảng viên của sinh viên.

Trong khi đó nghiên cứu của Nguyễn Đức Tiến (2025) đối với khu vực giáo dục ngoài công lập, đã phân tích khá toàn diện thực trạng phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập trên địa bàn Hà Nội. Nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù công tác phát triển đảng viên đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng số lượng sinh viên được kết nạp Đảng vẫn thấp hơn đáng kể so với khối trường công lập. Tác giả đề xuất các giải pháp như nâng cao nhận thức của cấp ủy, đổi mới quy trình tạo nguồn, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và xây dựng các mô hình chi bộ sinh viên phù hợp với đặc thù của các trường ngoài công lập. Ngoài ra, nghiên cứu của Lê Dũng và Nguyễn Tiến Đạm (2024) về phát triển đảng viên trong sinh viên tại Đồng Nai cũng khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển đảng viên trẻ, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu kết hợp giữa nâng cao số lượng và bảo đảm chất lượng đảng viên mới.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã làm rõ nhiều khía cạnh của công tác phát triển đảng viên trong sinh viên. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về phát triển đảng viên trong hệ thống trường đại học, cao đẳng tư thục tại Hà Nội vẫn còn tương đối hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ những đặc thù về cơ cấu tổ chức, môi trường đào tạo và nguồn phát triển đảng trong khu vực này.

**2. Phương pháp nghiên cứu**

***2.1 Phương pháp thống kê, so sánh:*** Các số liệu thu thập được xử lý, phân tích theo phương pháp thống kê nhằm đánh giá xu hướng biến động về số lượng, cơ cấu, chất lượng đảng viên; đồng thời so sánh giữa các loại hình trường, giữa các giai đoạn để nhận diện điểm tương đồng và khác biệt.

***2.2 Phương pháp điều tra xã hội học:*** Sử dụng bảng hỏi khảo sát đối với Ban Chấp hành Đảng bộ (30 phiếu), cấp ủy các chi bộ (60 phiếu), giảng viên và chuyên viên (150 phiếu), sinh viên (300 phiếu) một số trường đại học, cao đẳng tư thục; nhằm thu thập thông tin về thực trạng công tác phát triển đảng viên trong các trường tư thục. Phương pháp này giúp bổ sung dữ liệu thực tiễn, bảo đảm tính xác thực và đa chiều của kết quả nghiên cứu. Thời gian thực hiện là trong năm 2025.

**3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

***3.1. Nhận thức trong công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất,* nhận thức của cấp ủy và cán bộ làm công tác đảng tương đối đầy đủ về mặt nguyên tắc

Kết quả khảo sát 30 ủy viên ban chấp hành đảng bộ/chi bộ cơ sở và 60 cấp ủy chi bộ cho thấy đa số ý kiến khẳng định việc quán triệt chủ trương, nghị quyết về công tác phát triển đảng viên được thực hiện nghiêm túc, có kế hoạch và đưa vào chương trình công tác hằng năm.

Điều này phản ánh sự thống nhất cao về nhận thức chính trị ở cấp lãnh đạo tổ chức đảng trong khu vực ngoài công lập. Kết quả khảo sát cho thấy, 82,2% ý kiến đánh giá ở mức "rất đầy đủ" và "đầy đủ", trong khi chỉ 4,5% cho rằng việc quán triệt còn chưa đầy đủ. Điều này khẳng định tiêu chí về nhận thức ở cấp ủy cơ bản đạt yêu cầu theo khung phân tích đã xây dựng. Tuy nhiên, tỷ lệ 13,3% đánh giá "tương đối đầy đủ" cũng cho thấy vẫn còn dư địa cần tiếp tục nâng cao chất lượng triển khai, đặc biệt trong việc cụ thể hóa nội dung nghị quyết vào điều kiện đặc thù của trường tư thục (Nguyễn Đức Tiến, 2026).

*Thứ hai,* nhận thức và động cơ phấn đấu của quần chúng phản ánh khá rõ tính đặc thù của môi trường tư thục trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Hà Nội. Nếu như ở khu vực công lập, động cơ phấn đấu vào Đảng thường gắn chặt với lộ trình nghề nghiệp trong khu vực nhà nước, thì ở khu vực tư thục, môi trường cạnh tranh, cơ chế tự chủ và định hướng thị trường đã tạo nên sự đa dạng, thậm chí phân hóa trong nhận thức và động cơ của quần chúng.

Kết quả khảo sát 150 giảng viên, chuyên viên và 300 sinh viên cho thấy nhận thức về Đảng và mong muốn tìm hiểu về Đảng ở mức tương đối tích cực, song động cơ phấn đấu cụ thể còn chưa thật sự bền vững. Kết quả khảo sát cho thấy, 80% số người được hỏi có mức độ quan tâm nhất định đến Đảng, trong đó gần 48% thường xuyên tìm hiểu. Đây là tín hiệu tích cực về mặt nhận thức chính trị trong môi trường tư thục, vốn chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường (Nguyễn Đức Tiến, 2026).

***3.2. Cơ chế, chính sách trong công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất,* xét về mức độ đầy đủ và đồng bộ của hệ thống quy định, có thể khẳng định rằng về mặt nguyên tắc, công tác phát triển đảng viên trong khu vực ngoài công lập được triển khai trên nền tảng chung theo quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tạo nguồn, bồi dưỡng, thẩm tra lý lịch, xét kết nạp và công nhận đảng viên chính thức được áp dụng thống nhất giữa khu vực công lập và ngoài công lập. Điều này bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời khẳng định nguyên tắc không phân biệt loại hình sở hữu trong công tác xây dựng Đảng. Kết quả khảo sát 90 cán bộ cấp ủy (ủy viên ban chấp hành đảng bộ/chi bộ cơ sở và cấp ủy chi bộ) tại các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Hà Nội cho thấy đánh giá tương đối tích cực về mức độ đầy đủ và

đồng bộ của hệ thống quy định hiện hành.

Theo kết quả khảo sát, 77,8% ý kiến đánh giá ở mức "rất đầy đủ" và "đầy đủ", phản ánh sự thống nhất tương đối cao trong nhận thức của cấp ủy về nền tảng pháp lý của công tác này. Chỉ 7,8% cho rằng hệ thống quy định còn chưa đầy đủ, chủ yếu liên quan đến hướng dẫn cụ thể đối với đặc thù hợp đồng lao động ngắn hạn hoặc biến động nhân sự trong môi trường tư thục (Nguyễn Đức Tiến, 2026).

*Thứ hai,* tính linh hoạt và khả năng thích ứng với đặc thù trường tư thụcnhững hạn chế bắt đầu bộc lộ rõ hơn trong thực tiễn triển khai công tác phát triển đảng viên tại các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Hà Nội. Nếu như hệ thống quy định chung của Đảng Cộng sản Việt Nam được đánh giá là tương đối đầy đủ và đồng bộ về mặt nguyên tắc, thì ở tiêu chí này, vấn đề không nằm ở "có hay không có quy định", mà ở mức độ tương thích giữa quy định chung với điều kiện vận hành đặc thù của mô hình tự chủ.

Môi trường tư thục có ba đặc điểm nổi bật tác động trực tiếp đến công tác phát triển đảng viên: (1) cơ chế quản trị chịu ảnh hưởng lớn của hội đồng quản trị; (2) cơ chế tài chính tự chủ, phụ thuộc vào nguồn thu học phí; (3) cơ cấu nhân sự linh hoạt, hợp đồng lao động ngắn hạn, biến động tương đối cao. Những đặc điểm này đặt ra yêu cầu cao về tính linh hoạt trong tổ chức sinh hoạt đảng, bố trí thời gian học tập nghị quyết, tạo nguồn và theo dõi quá trình rèn luyện của quần chúng. Kết quả khảo sát 90 cán bộ cấp ủy cho thấy đánh giá về tính linh hoạt và khả năng thích ứng của cơ chế, chính sách còn phân hóa rõ rệt. Số liệu cho thấy chỉ 54,4% ý kiến đánh giá ở mức "rất linh hoạt" và "tương đối linh hoạt", trong khi 45,6% cho rằng cơ chế, chính sách chưa thật sự linh hoạt hoặc còn cứng nhắc (Nguyễn Đức Tiến, 2026). Đây là tỷ lệ đáng lưu ý, phản ánh khoảng cách giữa khung quy định chung và thực tiễn vận hành của trường tư thục.

***3.3 Tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất,* về công tác xây dựng kế hoạch và tạo nguồn phát triển đảng viên, đa số các đảng ủy, chi bộ đã ban hành kế hoạch hằng năm và xác định chỉ tiêu phát triển đảng viên phù hợp với quy mô của đơn vị.

Về công tác xây dựng kế hoạch và tạo nguồn phát triển đảng viên, kết quả khảo sát 90 đồng chí là ủy viên ban chấp hành đảng bộ và cấp ủy chi bộ tại các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Hà Nội cho thấy đa số các tổ chức cơ sở đảng đã quan tâm ban hành kế hoạch hằng năm và xác định chỉ tiêu phát triển đảng viên tương đối phù hợp với quy mô đơn vị.

Về mức độ ban hành kế hoạch phát triển đảng viên, kết quả như sau: 75,6% số trường được khảo sát ban hành kế hoạch phát triển đảng viên hằng năm đầy đủ và đúng thời gian. Nếu tính cả nhóm có kế hoạch nhưng ban hành chưa ổn định, tỷ lệ có xây dựng kế hoạch đạt 91,2% (Nguyễn Đức Tiến, 2026). Điều này phản ánh sự chuyển biến tích cực về tính chủ động của tổ chức đảng trong khu vực ngoài công lập, bảo đảm công tác phát triển đảng viên không mang tính tự phát mà có định hướng cụ thể theo năm học, năm công tác. Xét về việc xác định chỉ tiêu phát triển đảng viên gắn với quy mô và cơ cấu đội ngũ, kết quả khảo sát thể hiện sự phân hóa nhất định. Chỉ 46,7% số trường xác định chỉ tiêu cụ thể theo từng nhóm đối tượng, trong khi 30% (gồm hai mức cuối) chưa lượng hóa hoặc chưa xác định rõ chỉ tiêu (Nguyễn Đức Tiến, 2026).

Điều này cho thấy dù đa số trường đã xây dựng kế hoạch, nhưng mức độ cụ thể hóa còn khác nhau; ở một số cơ sở, chỉ tiêu phát triển đảng viên vẫn mang tính định hướng, chưa gắn chặt với chiến lược phát triển đội ngũ và quy mô đào tạo. Về công tác tạo nguồn, khảo sát cho thấy nguồn phát triển đảng viên chủ yếu tập trung vào sinh viên có thành tích học tập, rèn luyện tốt và giảng viên trẻ.

Cơ cấu này phản ánh định hướng ưu tiên phát triển đảng viên trong lực lượng trí thức trẻ và sinh viên - những đối tượng có khả năng phát triển lâu dài và có tác động lan tỏa trong môi trường giáo dục. Tuy nhiên, tỷ lệ tạo nguồn từ khối nhân viên hành chính, kỹ thuật còn thấp, cho thấy sự chưa đồng đều trong bao quát các nhóm đối tượng. Về tổng thể, công tác xây dựng kế hoạch và tạo nguồn phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Hà Nội đã được triển khai tương đối nền nếp, bảo đảm tính định hướng và có sự chủ động của tổ chức đảng. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ cụ thể hóa chỉ tiêu và tính hệ thống trong tạo nguồn cho thấy đây vẫn là khâu cần tiếp tục chuẩn hóa và nâng cao tính chiến lược trong giai đoạn tới.

*Thứ hai,* về chất lượng công tác bồi dưỡng, rèn luyện quần chúng ưu tú, phần lớn các trường thực hiện đúng quy trình theo quy định chung của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm tính chặt chẽ về thủ tục và nguyên tắc.

Kết quả khảo sát 90 cán bộ cấp ủy cho thấy mức độ tuân thủ quy trình bồi dưỡng, rèn luyện quần chúng ưu tú tương đối cao. Tổng cộng 91,1% ý kiến cho rằng quy trình được thực hiện đầy đủ hoặc cơ bản đầy đủ (Nguyễn Đức Tiến, 2026). Điều này cho thấy ở khía cạnh thủ tục, các tổ chức cơ sở đảng trong trường tư thục đã nắm vững và vận dụng

đúng hướng dẫn của cấp trên, đặc biệt là các bước: lựa chọn quần chúng ưu tú; cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ; nhận nhận xét, đánh giá quá trình rèn luyện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị kết nạp.

Về tổng thể, công tác bồi dưỡng, rèn luyện quần chúng ưu tú trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Hà Nội cơ bản được thực hiện đúng quy định, bảo đảm tính nguyên tắc và quy trình. Tuy nhiên, chất lượng thực chất của quá trình rèn luyện còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện cụ thể của từng trường, sự quan tâm của cấp ủy và mức độ gắn kết giữa nhiệm vụ chuyên môn với yêu cầu giáo dục chính trị tư tưởng. Đây là điểm cần tiếp tục được nâng cao nhằm bảo đảm phát triển đảng viên không chỉ đúng thủ tục mà còn vững vàng về bản lĩnh chính trị và động cơ phấn đấu.

Để nâng cấp tính khoa học và độ tin cậy cho nghiên cứu, phân tích định lượng không chỉ dừng lại ở các so sánh tỷ lệ phần trăm cơ bản mà đã được nâng tầm bằng việc áp dụng hệ thống các kiểm định thống kê suy luận nhằm xác minh mối liên hệ và sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng với mức ý nghĩa có giá trị thực tiễn.

***3. 4. Một số hạn chế***

*Thứ nhất,* về nhận thức, mặc dù đa số cấp ủy và cán bộ làm công tác đảng đã quán triệt tương đối đầy đủ các chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển đảng viên, song sự thống nhất trong nhận thức giữa các nhóm đối tượng chưa thật sự đồng đều

*Thứ hai,* về cơ chế, chính sách, mặc dù hệ thống quy định chung của Đảng đã tương đối đầy đủ, song việc vận dụng vào môi trường tư thục còn gặp nhiều vướng mắc

*Thứ ba,* về tổ chức thực hiện, dù quy trình phát triển đảng viên cơ bản được tuân thủ, nhưng chất lượng tạo nguồn chưa thật sự bền vững; công tác quản lý, giáo dục và đánh giá đảng viên sau kết nạp ở một số nơi chưa được duy trì thường xuyên; công tác kiểm tra, giám sát tuy đã được quan tâm nhưng chưa thật sự đi vào chiều sâu ở tất cả các cơ sở.

***3.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phát triển đảng viên trên địa bàn thành phố Hà Nội***

*Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

*Thứ nhất,* tăng cường tuyên truyền, giáo dục về vị trí và tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục. Công tác tuyên truyền, giáo dục về lý tưởng, mục đích và ý nghĩa của công tác phát triển đảng viên cần phải được thực hiện một cách liên tục và có hệ thống, từ các cấp lãnh đạo đến toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên. Cần làm rõ vai trò của đảng viên trong công tác giáo dục, trong sự nghiệp xây dựng trường học, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Việc tăng cường nhận thức này không chỉ giúp nâng cao niềm tin của cán bộ, giảng viên và sinh viên đối với Đảng mà còn thúc đẩy tinh thần xung kích, cống hiến trong mỗi cá nhân.

*Thứ hai,* củng cố và phát huy vai trò của cấp ủy, chi bộ trong việc lãnh đạo công tác phát triển đảng viên. Cấp ủy, chi bộ đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra nhận thức đúng đắn và làm gương mẫu trong công tác phát triển đảng viên. Các cấp ủy cần thường xuyên tổ chức các hội nghị, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm về công tác phát triển đảng viên, làm gương mẫu trong việc phát triển đảng viên chất lượng. Thực tế cho thấy, ở nhiều trường tư thục, sự lãnh đạo của cấp ủy chưa thật sự sâu sát và thiếu sự quan tâm đúng mức đối với công tác phát triển đảng viên. Do vậy, cần phải cải thiện nhận thức của cấp ủy các chi bộ, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm.

*Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

*Thứ nhất,* cần tiếp tục rà soát, hệ thống hóa và cụ thể hóa các quy định hiện hành về công tác phát triển đảng viên trong khu vực ngoài công lập theo hướng rõ ràng, thống nhất, tránh chồng chéo. Các văn bản hướng dẫn cần làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm và mối quan hệ công tác giữa tổ chức đảng trong trường với cấp ủy cấp trên, đồng thời xác định cụ thể vị trí của tổ chức đảng trong cơ cấu quản trị nhà trường. Việc cụ thể hóa này không nhằm tạo thêm thủ tục hành chính, mà nhằm bảo đảm tính minh bạch, đồng bộ và dễ thực hiện, giúp các trường đại học, cao đẳng tư thục tránh lúng túng trong quá trình vận dụng.

*Thứ hai,* cần xây dựng cơ chế bảo đảm điều kiện hoạt động cho tổ chức đảng trong trường tư thục một cách ổn định và lâu dài. Trong thực tiễn, không ít cơ sở còn gặp khó khăn về kinh phí, cơ sở vật chất, thời gian sinh hoạt do chịu áp lực tự chủ tài chính và yêu cầu hiệu quả hoạt động. Vì vậy, cần có hướng dẫn cụ thể về việc bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, quỹ thời gian cho hoạt động của tổ chức đảng, trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa yêu cầu chính trị và điều kiện vận hành của nhà trường. Đồng thời, cấp ủy cấp trên cần tăng cường hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là đối với những tổ chức đảng mới thành lập hoặc còn hạn chế về kinh nghiệm.

*Thứ ba,* cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa tổ chức đảng và ban giám hiệu, hội đồng trường trong công tác phát triển đảng viên. Cơ chế này phải được xác lập trên nguyên tắc tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên, nhưng đồng

thời bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ổn định chính trị và phát triển bền vững. Việc phát triển đảng viên cần được lồng ghép trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của nhà trường, gắn với công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên.

*Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

*Thứ nhất,* hoàn thiện quy trình và phương thức tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên. Một trong những giải pháp quan trọng trong tổ chức thực hiện là cần phải đảm bảo quy trình phát triển đảng viên rõ ràng, chuẩn mực, đồng thời linh hoạt trong việc áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng tư thục. Cần phải xác định rõ các bước trong quy trình tuyển chọn, bồi dưỡng, thử thách quần chúng ưu tú, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng đắn theo các quy định của Đảng. Đặc biệt, mỗi trường cần phải chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên hàng năm, xác định rõ chỉ tiêu và nhiệm vụ, đồng thời đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đoàn thể, các bộ phận trong trường để thu hút quần chúng ưu tú từ giảng viên, sinh viên.

*Thứ hai,* tăng cường công tác bồi dưỡng, giáo dục chính trị và đạo đức cho quần chúng ưu tú. Một trong những yếu tố quyết định thành công của công tác phát triển đảng viên là công tác bồi dưỡng, giáo dục chính trị cho quần chúng ưu tú. Đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học và cao đẳng tư thục, việc rèn luyện lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức và lối sống văn hóa cho sinh viên, giảng viên là điều vô cùng quan trọng. Các trường cần tạo ra các chương trình, hoạt động rèn luyện chính trị và đạo đức thường xuyên, từ các lớp học lý luận chính trị đến các cuộc thi, tọa đàm, giao lưu học thuật và tình nguyện xã hội. Việc này không chỉ giúp nâng cao chất lượng đảng viên, mà còn tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, thúc đẩy học sinh, sinh viên phát triển toàn diện.

*Thứ ba,* tăng cường công tác đánh giá và quản lý đảng viên sau kết nạp. Công tác đánh giá đảng viên sau khi được kết nạp là một khâu quan trọng, giúp theo dõi sự trưởng thành của đảng viên, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ. Các trường cần thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm của đảng viên sau khi kết nạp, nhất là đối với đội ngũ giảng viên trẻ và sinh viên. Các tổ chức đảng cần xây dựng các chỉ tiêu đánh giá đảng viên cụ thể, gắn với công tác chuyên môn và phong trào thi đua, đồng thời tổ chức các cuộc họp, sinh hoạt đảng thường xuyên để nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

**4. Kết luận**

Tóm lại, công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh và góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng đổi mới. Thực tiễn khảo sát cho thấy các cấp ủy, chi bộ đã có sự quan tâm và từng bước triển khai công tác phát triển đảng viên theo hướng nền nếp, đúng quy định; nhận thức về vai trò của công tác này nhìn chung khá tích cực.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn những hạn chế nhất định, thể hiện ở sự chưa đồng đều về nhận thức, tính linh hoạt của cơ chế, chính sách chưa cao, chất lượng tạo nguồn chưa thật sự bền vững và công tác quản lý, giáo dục đảng viên sau kết nạp ở một số nơi còn chưa thường xuyên. Vì vậy, nâng cao hiệu quả phát triển đảng viên trong các trường tư thục cần được xác định là nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa tổ chức Đảng, nhà trường và các tổ chức đoàn thể. Trong đó, cần chú trọng nâng cao nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù trường tư thục, đổi mới phương thức tạo nguồn và tăng cường bồi dưỡng quần chúng ưu tú. Đồng thời, cần phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong việc tập hợp, rèn luyện và phát hiện những nhân tố tích cực, nhất là trong lực lượng sinh viên và giảng viên trẻ. Cùng với đó, việc quản lý, đánh giá đảng viên sau kết nạp phải được thực hiện thường xuyên, thực chất, gắn với nhiệm vụ chuyên môn và hoạt động phong trào./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Phương Anh và Nguyễn Hoàng Du (2011). Công tác phát triển Đảng trong sinh viên Trường Đại học Cần Thơ (1998-2010). Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số 19a, tr 86-95

2. Lê Dũng và Nguyễn Tiến Đạm (2024) Improving the quality of party development among students in Dong Nai province, Vinh University Journal of Science, Vol. 53, No. 3B, pp 29-38

3. Nguyễn Đức Tiến (2025). Công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập trên địa bàn Hà Nội. Tạp chí Lý luận Chính trị bản điện tử, trực tuyến tại https://lyluanchinhtri.vn/cong-tac-phat-trien-dang-vien-trong-cac-truong-dai-hoc-cao-dang-ngoai-cong-lap-tren-dia-ban-ha-noi-7048.html (truy cập 02/06/2026)

4. Nguyễn Đức Tiến (2026). Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phát triển đảng viên trong các trường đại học, cao đẳng tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội, chuyên đề Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

5. Lê Ngọc Triết và cộng sự (2024). Nhận thức và phấn đấu trở thành Đảng viên của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 60 (3), tr 231-237